

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 /7/2022

V/v: L hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Trần Thị Út;

2/- Ông Nguyễn Hữu Phúc.

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 136/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, về việc “L hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp T, xã P, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: anh Lê Văn H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp T, xã Ph, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chị L và anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Vợ chồng chị tổ chức lễ cưới vào năm 1998, đến ngày 08/4/2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã C. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống tại ấp T, xã Ph, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình với nhau, anh Tín không biết quan tâm, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống với chị mà còn thường xuyên đi uống rượu về nhà chửi mắng, đánh đập chị làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Vì không muốn hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của các con nên chị luôn nhường nhịn anh H để hàn gắn tình cảm nhưng anh H càng đi uống rượu say về chửi mắng, đánh đập chị nhiều hơn làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn.

Về con chung: chị và anh H có 02 con chung tên Lê Trường L sinh ngày 29/6/2000 và Lê Trường P sinh ngày 08/12/2002.

Chị Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Cho chị được L hôn với anh Lê Văn H.
- Con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.
- Tài sản chung, nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận.

* Bị đơn anh Lê Văn H không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, chị Trần Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn, anh Lê Văn H vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị L là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

Anh Lê Văn H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa chị Trần Thị L và anh Lê Văn H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị Trần Thị L xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Lê Văn H không có hạnh phúc do anh H thường xuyên uống rượu say về chửi mắng, đánh đập chị làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nên chị xin L hôn với anh H.

Anh Lê Văn H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu L hôn của chị L, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xác định anh H không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị L.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị L và anh Lê Văn H là trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nên chị L yêu cầu được L hôn với anh H là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Giữa chị L và anh H có 02 con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung:

Chị L không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận cho chị Trần Thị L được L hôn với anh Lê Văn H.

2. Án phí:

Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002414 ngày 21/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị L không phải nộp tiếp tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Chị L và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Ánh Tuyết